

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Khoa;

Bà Phan Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 46/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1979;

Cư trú tại: Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Ông Ngô Ngọc L, sinh năm: 1987;

Cư trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn Ngô Ngọc L tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 11/4/2023, số 29 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Bà T gặp ông L khi hai bên đi làm thuê, làm mướn gặp nhau và tìm hiểu, sau đó đi đến hôn nhân. Tuy nhiên, thời gian tìm hiểu và chung sống với nhau ngắn khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L chơi bời, cờ bạc, hai bên không có hòa hợp nên đã tự ly thân, mạnh ai nấy sống không còn liên lạc với nhau khoảng từ tháng 7/2023 đến nay. Do mâu thuẫn đã nghiêm

trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Ngô Ngọc L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không đến Tòa để trình bày ý kiến. Căn cứ theo biên bản xác minh ngày 01/11/2023 Công an xã H và biên bản làm việc ngày 01/11/2023 với bà Bùi Thị N (mẹ ruột bị đơn) thì ông L có đăng ký thường trú và vẫn cư trú tại địa phương, Tòa án đã thông báo các văn bản tố tụng cho ông L biết việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn nhưng bị đơn đi làm ăn xa không đến Tòa để giải quyết là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng do bị đơn vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không trình bày ý kiến.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn chấp hành không đúng giấy triệu tập của Tòa án; Về đề xuất giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Không có nên không đề nghị HĐXX giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị T yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Ngô Ngọc L có địa chỉ tại huyện P, tỉnh Phú Yên. Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng bị đơn Ngô Ngọc L vắng mặt không lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị T và bị đơn Ngô Ngọc L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/4/2023, số 29 tại UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng bà T, ông L thấy rằng. Bà T đã từng ly hôn, sau đó đi làm thuê, làm mướn thì gặp ông L, hai bên tìm hiểu và đi đến kết hôn với nhau từ tháng 4/2023. Nhưng thời gian chung sống tại gia đình ông L có vài tháng, bà T mâu thuẫn với ông L về quan điểm sống cho rằng ông L ăn chơi, cờ bạc, xúc phạm đòi đánh bà T, nên đã bỏ về gia đình phía bà T ở V, H, T để sinh sống. Sau đó, bà T bỏ đi làm thuê, làm mướn từ thời gian nộp đơn ly hôn vào tháng 10/2023 cho đến nay hai bên không còn sống chung với nhau nữa. Ông L được Tòa án thông báo về việc bà T yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa để giải quyết là từ bỏ quyền lợi, nghĩa vụ của mình, cũng như từ bỏ việc hàn gắn hôn nhân. Dẫn đến tình trạng vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những đánh giá nêu trên, có cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng bà T, ông L đã xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối chiếu theo Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình “*Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng ... vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”. HĐXX xét có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn.

[4] Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nguyên đơn không yêu cầu, HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét các đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với các nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị T được ly hôn với bị đơn Ngô Ngọc L.

2. Về con chung: Không có, HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0010139 ngày 10/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND huyện P;
 - Chi cục THADS huyện P;
 - TAND tỉnh Phú Yên;
 - VKSND tỉnh Phú Yên;
 - UBND xã H
- (CNKH số 29 ngày 11/4/2023);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trương Thị Thu Hiền